

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 20/9/2017

*V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Luận

Ông Nguyễn Đắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2017/TLPT- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/HNGĐ-ST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2017/QĐ-PT ngày 10/08/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P (tức Nguyễn Văn P), sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu B (tức Nguyễn Thị A), sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Do có kháng cáo của: Anh Phạm Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Phía nguyên đơn là anh Phạm Văn P (tức Nguyễn Văn P) trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu B (tức: Nguyễn Thị A) tự do tìm hiểu đến ngày 12/11/1993 thì tổ chức kết hôn và đăng ký tại UBND xã Đ1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, chị B về chung sống với anh ngay tại thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận trong khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh P xác định là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ tháng 6/2016 chị B đã đi khỏi nhà và thuê nhà ở đâu anh không rõ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Thị Vân Anh, sinh ngày 14/12/1994; cháu Phạm Văn Phong, sinh ngày 08/12/1997 và cháu Phạm Thị L, sinh ngày 17/9/2005. Khi ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu Phạm Thị L và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Các cháu Phạm Thị Vân Anh và cháu Phạm Văn Phong hiện đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu B (tức Nguyễn Thị A) trình bày: Chị xác nhận phần trình bày của anh P về quá trình tìm hiểu, thời điểm kết hôn và con chung là đúng. Theo chị B thì quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 6/2016 chị đã đi khỏi nhà anh P và về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của anh P thì chị cũng đồng ý vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 03 con chung đúng như anh P đã trình bày. Đối với cháu Vân Anh và cháu Phong hiện đã trưởng thành nên việc ở với ai là do cháu tự quyết định chị không đề nghị Tòa án xem xét. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm áp dụng các Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn P (tức Nguyễn Văn P) và chị Nguyễn Thị Thu B (tức Nguyễn Thị A).

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị L, sinh ngày 17/9/2005 cho chị Nguyễn Thị Thu B nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Phạm Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau xét xử sơ thẩm, ngày 16/6/2017 anh Phạm Văn P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung. Anh đề nghị Tòa án tỉnh Bắc Ninh giải quyết cho anh được nuôi cháu Phạm Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thể hòa giải đoàn tụ và không tự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Anh P cho rằng chị B hiện không có chỗ ở ổn định và thu nhập bất bēnh nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu L và cháu hiện đang độ tuổi phát triển.

Chị B cho rằng chị có đủ khả năng kinh tế và thời gian và chỗ ở để đảm bảo việc nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Thị L, hiện mẹ con chị ở với mẹ đẻ của chị. Do đó chị không đồng ý để anh P nuôi cháu L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục tố tụng của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS bác đơn kháng cáo của anh Phạm Văn P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình tự do tìm hiểu tự nguyện, ngày 12/11/1993 anh Phạm Văn P (tức Nguyễn Văn P) và chị Nguyễn Thị Thu B (tức Nguyễn Thị A) tổ chức kết hôn và đăng ký tại UBND xã Đ1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; do đó quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị B là hợp pháp và được pháp

luật thừa nhận . Sau khi kết hôn, chị B về chung sống với anh P ngay tại thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận trong khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ tháng 6/2016 chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng không liên lạc và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Nay anh P khởi kiện xin ly hôn và chị B cũng đồng ý ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh P và chị B là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của anh Phạm Văn P: Anh P kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm phần quyết định giao con chung là cháu Phạm Thị L cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Hội đồng xét xử thấy: Về điều kiện kinh tế, chỗ ở: Hiện nay, chị B đang ở với bố mẹ đẻ của chị tại thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh và đang làm công ty với mức lương trung bình từ 5.000.000đ – 6.000.000đ. Anh P đã có nhà đất ở Thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; công việc hiện nay của anh là sửa chữa xe đạp và làm ruộng. Như vậy về điều kiện kinh tế, chỗ ở thì cả chị B và anh P đều có đủ điều kiện chăm sóc con chung. Tuy nhiên, xét theo nguyện vọng của cháu Phạm Thị L thì tại phiên tòa hôm nay, cháu muốn được ở với mẹ. Trên thực tế, hiện cháu đã và đang ở cùng mẹ, về sức khỏe và học tập cháu vẫn phát triển bình thường. Để ổn định tâm lý và nguyện vọng của cháu thì việc giao cháu Phạm Thị L cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi của cháu. Bởi vậy, cần bác đơn kháng cáo của anh Phạm Văn P và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên anh P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn P (tức Nguyễn Văn P) và chị Nguyễn Thị Thu B (tức Nguyễn Thị A).

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị L, sinh ngày 17/9/2005 cho chị Nguyễn Thị Thu B nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Phạm Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn P chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh P đã nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 00762 ngày 11/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Anh Phạm Văn P phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm. Xác nhận anh P đã nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 00818 ngày 16/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Minh